TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 4 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon;

2. Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thùy Trang, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Mai L, sinh năm: 1980 *(Có mặt)*.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Võ Văn H, sinh năm: 1982 *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Mai L trình bày: Chị và anh Võ Văn H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/10/2007 tại

Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Việc kết hôn không có tìm hiểu trước mà do được cha mẹ hai bên đồng ý cho phép tiến đến hôn nhân; và anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị cưỡng ép hay lừa dối. Trong thời gian chung sống, anh H không quan tâm chăm lo vợ con, khi đi làm có tiền thì để tiền riêng, không phụ giúp kinh tế gia đình, từ đó vợ chồng bất đồng ý kiến. Chị L và anh H ly thân từ tháng 04 năm 2014 cho đến nay; Thời gian ly thân, anh chị không có hàn gắn tình cảm với nhau được; hiện nay, chị L không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 03 người con tên Võ Chí H, sinh ngày 20/6/2004; Võ Chí T, sinh ngày 11/11/2006; Võ Thị Kim N, sinh ngày 11/3/2010. Hiện nay các cháu đang sống với chị tại (ấp T, xã T) từ ngày chị và anh H ly thân đến nay. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H theo quy định. Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Võ Chí H, sinh ngày 20/6/2004; Võ Chí T, sinh ngày 11/11/2006; Võ Thị Kim N, sinh ngày 11/3/2010 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi; Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi các cháu theo quy định của pháp luật.

- *Tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp - hòa giải bị đơn anh Võ Văn H trình bày:* Anh thống nhất có đăng ký kết hôn với chị L vào ngày 30/10/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống giữa anh và chị L có xảy ra cãi vả những chuyện lặt vặt, không có mâu thuẫn trầm trọng. Anh và chị L ly thân từ tháng 04 năm 2014 đến nay; từ khi ly thân đến nay, anh và chị L không có hàn gắn tình cảm lại được.

Về con chung: Anh và chị L có 03 người con tên Võ Chí H, sinh ngày 20/6/2004; Võ Chí T, sinh ngày 11/11/2006; Võ Thị Kim N, sinh ngày 11/3/2010; hiện nay các cháu đang sống với chị L từ khi anh chị ly thân đến nay. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh H không thống nhất ly hôn với chị L, vì anh còn thương vợ con. Về con chung: Anh không thống nhất yêu cầu của chị L; anh yêu cầu được nuôi dưỡng các cháu, đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi, anh không có yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Võ Văn H vắng mặt tại phiên tòa; nhưng xét thấy anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/01/2018 và anh H đã có lời khai trình bày ý kiến; vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa chị Lê Thị Mai L và anh Võ Văn H làm phát sinh "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" được quy định tại Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật; về thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh H được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không bị cưỡng ép hoặc lừa dối và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; nay chị L yêu cầu ly hôn với anh H, nhưng anh H không thống nhất nên làm phát sinh tranh chấp ly hôn.

Xét việc chị L và anh H ly thân từ tháng 04 năm 2014 đến nay không có hàn gắn tình cảm lại được, nguyên nhân do anh chị bất đồng ý kiến với nhau về chuyện tiền bạc, nên vợ chồng thường xảy ra chuyện cãi vả, mâu thuẫn vợ chồng ngày một phát sinh, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H trình bày hiện nay vẫn thương vợ con nên không thống nhất ly hôn, nhưng thực tế kể từ ngày ly thân đến nay đã 04 năm, anh H vẫn không có đi tìm kiếm chị L để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng; đồng thời, anh H cũng không có đến thăm nom, chăm sóc cho các cháu. Tại phiên tòa hôm nay, chị L xác định không còn tình cảm gì với anh H, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh H là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*.

Vì vậy căn cứ vào quy định trên, chấp nhận việc xin ly hôn của chị L đối với anh Võ Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu là Võ Chí H, Võ Chí T, Võ Thị Kim N đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Anh H không thống nhất yêu cầu của chị L; anh H yêu cầu được nuôi dưỡng các cháu đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi, anh không có yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện nay các cháu Võ Chí H, Võ Chí T, Võ Thị Kim N đều đã trên 07 tuổi và các cháu đã có bản khai trình bày rõ nguyện vọng được tiếp tục sống với chị L. Đồng thời, chị L trực tiếp nuôi dưỡng các cháu từ ngày ly thân đến nay; Chị L đã làm tròn nghĩa vụ nuôi dưỡng và cho các cháu đến trường đi học đúng theo độ tuổi quy định. Anh H thì không quan tâm chăm sóc các cháu, để cho chị L một mình gánh chịu việc chăm sóc nuôi dưỡng các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L; giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Võ Chí H, Võ Chí T, Võ Thị Kim N; không chấp nhận yêu cầu của anh H về việc yêu cầu được nuôi dưỡng các cháu là phù hợp theo quy định của pháp luật. Xét việc chị L yêu

cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con là có cơ sở và là phù hợp theo quy định pháp luật, được quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh H đều thống nhất hiện nay anh chị không có tài sản chung; anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị, nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh H. Về con chung: Giao cháu H, cháu T, cháu N cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng; anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con theo quy định, mức cấp dưỡng bằng ½ mức lương cơ sở theo quy định của Nhà nước. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh H không có yêu cầu, do đó không đặt ra để xem xét giải quyết.

Chị L phải chịu án phí ly hôn; anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 36, Điều 39; Điều 147 và Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 và điểm a, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mai L đối với anh Võ Văn H.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Mai L; giao cho chị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Võ Chí H, sinh ngày 20/6/2004; Võ Chí T, sinh ngày 11/11/2006; Võ Thị Kim N, sinh ngày 11/3/2010 đến khi mỗi cháu đủ 18 tuổi.

Buộc anh Võ Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi các cháu Võ Chí H, cháu Võ Chí T, cháu Võ Thị Kim N mỗi cháu đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 27/4/2018; mức cấp dưỡng là ½ (Một phần hai) mức lương cơ sở theo quy định của Nhà nước vào từng thời điểm cấp dưỡng cho các con chung.

Anh Võ Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh H không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Mai L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 02207 ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

- Anh Võ Văn H phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án. Riêng anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao (bản án) hoặc kể từ ngày Tòa niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thành Triều